



Azo Purge MP2

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT

Ngày phát hành: 11/04/2025 Phiên bản: 1.0

MỤC 1: Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất

1.1. Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất

Hình thức sản phẩm : Hỗn hợp
Tên thương mại : Azo Purge MP2

1.2. Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Khuyến cáo sử dụng : Hỗn hợp dung môi
Hạn chế sử dụng : Tất cả các mục đích sử dụng khác không được khuyến nghị ở trên

1.3. Thông tin nhà cung cấp

Nhà cung cấp

Azon USA Inc.
2204 Ravine Rd
49004 Kalamazoo Michigan
USA
T 269-385-5942

Nhà phân phối

Azon Asia Inc.
168 Joongwon Ind Rd. Judeok
CB 27459 KOR Chungju
South Korea
T +82 (0) 43 840 0500

1.4. Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp : Để được tư vấn đa ngôn ngữ suốt 24/7 về việc tràn, rò rỉ, hỏa hoạn, phơi nhiễm hoặc tai nạn, hãy gọi CHEMTREC theo số +65 3163 8374 (Singapore, đa ngôn ngữ) và cung cấp CCN 2189
Số điện thoại khẩn cấp dự phòng: +1-703-527-3887 (Hoa Kỳ, Chỉ Anh ngữ)

MỤC 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại theo GHS

Phân loại theo thông tư 32/2017/TT-BCT

Độc tính cấp tính (da), Nhóm 5
Tổn hại mắt/kích ứng mắt nghiêm trọng, Nhóm 2A

Có thể có hại khi tiếp xúc với da.
Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

2.2. Các yếu tố nhãn theo GHS

Ký hiệu tượng hình về mức độ nguy hiểm (GHS VN) :



Từ cảnh báo (GHS VN)

: Cảnh báo

Chứa

: Dimethyl Glutarate

Cảnh báo nguy cơ (GHS VN)

: H313 - Có thể có hại khi tiếp xúc với da
H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Biện pháp phòng ngừa (GHS VN)

: P264 - Rửa sạch bàn tay sau khi sử dụng
P280 - Đeo găng tay/ quần áo bảo hộ/ bảo vệ mặt/ mặt nạ
P305+P351+P338 - NẾU VÀO MẮT: Rửa sạch một cách thận trọng bằng nước trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa
P312 - Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC nếu bạn thấy không khỏe
P337+P313 - Nếu vẫn còn kích ứng mắt: Hỏi ý kiến tư vấn y tế

2.3. Các thông tin nguy hại khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

Azo Purge MP2

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT

MỤC 3: Thông tin về thành phần các chất

3.1. Đơn chất

Không áp dụng được

3.2. Hỗn hợp chất

Tên	Nhận dạng sản phẩm	%	Phân loại theo thông tư 32/2017/TT-BCT
Dimethyl Glutarate	Số CAS: 1119-40-0	60 – 80	Flam. Liq. Not classified Pyr. Liq. Not classified Acute Tox. Not classified (Oral) Độc cấp tính 5 (Da), H313 Ăn mòn/kích ứng da. Chưa được phân loại Kích ứng mắt 2A, H319 Muta. Not classified Repr. Not classified STOT SE Not classified STOT RE Not classified Aquatic Acute Not classified Aquatic Chronic Not classified

Văn bản các câu H: tham khảo mục 16

MỤC 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

4.1. Mô tả biện pháp sơ cứu

Sơ cứu tổng quát	: Nhân viên cứu hộ : đảm bảo an toàn cho chính bạn. Không bao giờ cho bất cứ chất gì vào miệng của một người đang bất tỉnh. Sử dụng biện pháp hô hấp nhân tạo bằng mặt nạ có lắp van một chiều hoặc thiết bị phù hợp khác nhưng không hô hấp bằng miệng. TRONG TRƯỜNG HỢP có phơi nhiễm hoặc liên quan: Liên hệ với bác sĩ để được tư vấn và theo dõi.
Sơ cứu trong trường hợp hít phải	: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nạn nhân nằm nghỉ ở tư thế dễ thở. Trong trường hợp có triệu chứng hô hấp bất thường : Liên lạc ngay với trung tâm hỗ trợ giải độc hoặc gọi cho bác sĩ.
Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da	: Tháo bỏ quần áo bị dính sản phẩm và vệ sinh các phần da bị ảnh hưởng với xà phòng và nước, sau đó rửa lại bằng nước nóng. Trong trường hợp có kích ứng da: Liên hệ bác sĩ để được tư vấn/theo dõi.
Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt	: Rửa lại với nước một cách cẩn thận trong vòng nhiều phút. Tháo kính sát trùng nếu có và nếu có thể tháo dễ dàng. Tiếp tục rửa. Nếu kích ứng mắt kéo dài: Liên lạc với bác sĩ để được tư vấn/theo dõi.
Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải	: súc miệng bằng nước. Không làm nôn. Nếu nôn xảy ra, đầu phải được giữ ở mức thấp để chất nôn không vào phổi. Trong trường hợp choáng váng, tham khảo ngay ý kiến bác sĩ.

4.2. Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải	: Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da	: Có thể gây kích ứng ở da.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt	: Rát, đỏ, ngứa, chảy nước mắt, thị giác mờ, sưng tấy.

4.3. Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết

Ý kiến y khoa khác hoặc điều trị	: Điều trị triệu chứng.
----------------------------------	-------------------------

MỤC 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

5.1. Các phương tiện chữa cháy thích hợp

Chất chữa cháy thích hợp	: Hóa chất khô, CO2 hoặc nước phun hoặc chất bột thông thường.
--------------------------	--

Azo Purge MP2

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT

Tác nhân tiêu hủy không tương ứng : Không sử dụng dòng nước mạnh.

5.2. Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

Nguy cơ hỏa hoạn : không cháy.
Nguy cơ nổ : Không có nguy cơ nổ trực tiếp.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hỏa hoạn : Có thể giải phóng khói độc. Phân hủy nhiệt có thể tạo : Cacbon đioxit. Cacbon monoxit.

5.3. Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

Hướng dẫn cứu hỏa : Làm nguội thùng chứa bị ảnh hưởng bằng nước phun hay màng nước. Sử dụng phương tiện thích hợp cho việc dập hỏa hoạn gần kề. Tránh không cho nước sử dụng vào việc dập lửa làm nhiễm độc môi trường.

MỤC 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

6.1. Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

Thiết bị bảo hộ : Mang thiết bị bảo hộ cá nhân được khuyến cáo.
Biện pháp cấp cứu : Cho giải tán khu vực nguy hiểm. Nếu đang ở ngoài trời, hãy di chuyển đến khu vực ở phía đầu gió so với vùng nguy hiểm. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Nếu có thể mà không phải chịu rủi ro cá nhân, Tránh xa mọi nguồn bắt cháy, thông gió cả khu vực. Ngăn không cho những người không có nhiệm vụ khẩn cấp vào khu vực nguy hiểm.

6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

Thiết bị bảo hộ : Đeo thiết bị bảo hộ cá nhân được khuyến nghị.
Biện pháp cấp cứu : Sơ tán nhân viên đến khu vực an toàn. Thông gió khu vực có sản phẩm vương đổ. Chặn ngay việc rò rỉ nếu có thể làm một cách an toàn.

6.2. Các cảnh báo về môi trường

Không để sản phẩm tiếp xúc với đất, cống rãnh, hệ thống thoát nước, hoặc nước mặt và nước ngầm.

6.3. Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Dùng để chứa : Khổng chế bằng chất thấm ướt không cháy. Chặn ngay việc rò rỉ nếu có thể làm một cách an toàn. Giữ không cho phần sản phẩm vương đổ lan tràn bằng cách lấp hoặc bằng cách sử dụng các vật liệu thấm hút để ngăn không cho lan vào cống rãnh hoặc nguồn nước.
Quy trình làm sạch : Thấm bằng chất thấm ướt không cháy và cho vào thùng để xử lý. Vật liệu hấp thụ ô nhiễm có thể gây nguy hiểm tương tự như sản phẩm bị tràn. Khử nhiễm bề mặt và thiết bị bằng nước và chất tẩy rửa. Cho đến khi đạt được mức độ pha loãng vừa đủ, nước dùng để tẩy rửa có thể gây nguy hiểm tương tự như sản phẩm. Xử lý vật liệu thu gom càng sớm càng tốt theo quy định hiện hành của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

MỤC 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

7.1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc tại nơi có thông gió tốt. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Tránh hít sương, khí dung, hơi, khí. Vô cùng cẩn trọng tránh phóng điện tĩnh.

7.2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Điều kiện lưu trữ : Dự trữ nơi mát, khô và thông gió, cách xa những chất không thích hợp . Giữ bao bì chứa đóng khi không sử dụng.
Sản phẩm không tương hợp : Chất oxi hóa. Axit mạnh. Bazơ mạnh.

Azo Purge MP2

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Hiện chưa có thông tin bổ sung

8.2. Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định : Các dụng cụ rửa mắt khẩn cấp và vòi tắm khẩn cấp phải được trang bị gần mọi khu vực có thể bị phơi nhiễm.

8.3. Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay:
Đeo găng tay bảo vệ. Mang găng tay thích hợp kháng hóa chất
Bảo vệ mắt:
Mắt kính chống hoá chất hay mắt kính bảo hộ. Mang mắt kính an toàn nhằm bảo vệ khỏi tia bắn
Bảo vệ da và cơ thể:
Trang bị quần áo bảo hộ thích hợp. Bảo vệ cơ thể nên được chọn tùy thuộc vào hoạt động và khả năng tiếp xúc
Bảo vệ đường hô hấp:
Khi việc thông gió tại nơi làm việc không đủ, cần mang thiết bị hỗ trợ hô hấp.

(Các) Ký hiệu thiết bị bảo hộ cá nhân:



Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường : Tránh thải ra môi trường. Hãy thực hiện các biện pháp giảm thiểu hoặc hạn chế việc phát thải khí và thải ra đất cũng như môi trường nước.

MỤC 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Trạng thái vật lý	: Chất lỏng
Điểm sôi	: 196 °C (384.8 °F)
Màu sắc	: Không màu
Điểm nóng chảy	: Không có thông tin
Mùi đặc trưng	: Không có thông tin
Điểm cháy	: 103 °C (217.4 °F)
Áp suất hóa hơi	: 0,2 mm Hg @20 °C (68°F)
Nhiệt độ tự cháy	: Không có thông tin
Mật độ hơi nước tương đối ở 20°C	: Không có thông tin
Giới hạn nổ	: Không có thông tin
Độ hòa tan	: Không có thông tin
pH	: Không có thông tin
Mật độ	: Không có thông tin

Loại khác

Tính hoà tan trong nước : Ít hòa tan

Azo Purge MP2

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT

MỤC 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng	: Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường
Tính ổn định	: Ổn định ở điều kiện sử dụng thường.
Phản ứng nguy hiểm	: Ổn định ở điều kiện sử dụng thường.
Các điều kiện cần tránh	: Giữ tránh xa nhiệt độ cao, các bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc các nguồn bắt cháy khác. Không hút thuốc.
Vật liệu không tương thích	: Chất oxi hóa,Axit mạnh,Bazơ mạnh
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không bắt cứ sản phẩm phân hủy mang tính chất nguy hiểm nào được bảo quản hoặc sử dụng trong điều kiện thường. Phân hủy nhiệt có thể tạo : Cacbon đioxit. Cacbon monoxit.

MỤC 11: Thông tin về độc tính

11.1. Độc cấp tính

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)	: Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua da)	: Có thể có hại khi tiếp xúc với da.
Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp)	: Không phân loại

Azo Purge MP2

ATE VN (da)	3125 mg/kg thể trọng
-------------	----------------------

Dimethyl Glutarate (1119-40-0)

LD50 qua tiêu hóa chuột	8900 mg/kg thể trọng
LD50 qua da thỏ	> 2000 mg/kg thể trọng

Ăn mòn/kích ứng da	: Không phân loại
Tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt	: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Tác nhân nhạy hô hấp/ Tác nhân nhạy da	: Không phân loại
Đột biến tế bào mầm	: Không phân loại
Tác nhân gây ung thư	: Không phân loại
Độc tính sinh sản	: Không phân loại
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn	: Không phân loại
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại	: Không phân loại
Nguy hại hô hấp	: Không phân loại

MỤC 12: Thông tin về sinh thái

12.1. Độc môi trường

Sinh thái - tổng quát	: Chất trên được xem như không có hại cho các sinh vật thủy sinh và không gây tác dụng tiêu cực về lâu dài cho môi trường.
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp)	: Không phân loại
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn)	: Không phân loại

Dimethyl Glutarate (1119-40-0)

LC50 - Cá [1]	13400 mg/l
EC50 - Giáp xác [1]	3940 – 4670 mg/l
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Pow)	0,62

12.2. Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Azo Purge MP2

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không thực hiện.
--	------------------

Dimethyl Glutarate (1119-40-0)

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Có thể phân hủy nhanh
--	-----------------------

Azo Purge MP2

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

Azo Purge MP2	
Khả năng tích lũy sinh học	Hiện chưa có thông tin bổ sung
Dimethyl Glutarate (1119-40-0)	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Pow)	0,62

12.4. Độ linh động trong đất

Azo Purge MP2	
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung
Dimethyl Glutarate (1119-40-0)	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Pow)	0,62

12.5. Các tác hại khác

Các tác dụng có hại khác : Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 13: Thông tin về thải bỏ

Phương pháp xử lý chất thải	: Tiêu hủy sản phẩm/bình chứa theo đúng hướng dẫn phân loại của bên xử lý được công nhận.
Khuyến cáo cho việc xử lý nước thải	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp. Tiêu hủy sản phẩm và thùng chứa của nó tại trung tâm xử lý chất thải nguy hiểm hoặc chất thải đặc biệt. Nên tham khảo các biện pháp hoặc quy định quốc tế, quốc gia hoặc của địa phương.
Thông tin chất thải sinh thái	: Tránh thải ra môi trường.
Thông tin bổ sung	: Không sử dụng lại các bình chứa rỗng.

MỤC 14: Thông tin khi vận chuyển

Phù hợp với IMDG / IATA / UN RTDG

IMDG	IATA	UN RTDG
14.1 Số hiệu UN		
Sản phẩm không gây nguy hiểm trong việc vận chuyển theo quy định hiện hành.		
14.2 Công ty vận chuyển		
Không theo quy định	Không theo quy định	Không theo quy định
14.3 Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển		
Không theo quy định	Không theo quy định	Không theo quy định
14.4 Phân nhóm đóng gói		
Không theo quy định	Không theo quy định	Không theo quy định
14.5 Nguy cơ môi trường		
Không theo quy định	Không theo quy định	Không theo quy định
Không có thông tin bổ sung		

14.6. Vận chuyển trong tàu lớn

Không áp dụng được

Azo Purge MP2

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT

14.7. Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển

UN RTDG
Không theo quy định

IMDG
Không theo quy định

IATA
Không theo quy định

MỤC 15: Thông tin về pháp luật

15.1. Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật hóa chất		
Việt Nam Phụ lục I: Danh Mục Hóa Chất Sản Xuất, Kinh Doanh Có Điều Kiện Trong Lĩnh Vực Công Nghiệp	Không có thông tin	
Việt Nam Phụ lục II: Danh Mục Hóa Chất Hạn Chế Sản Xuất, Kinh Doanh Trong Lĩnh Vực Công Nghiệp	Không có thông tin	
Việt Nam Phụ lục III: Danh mục hóa chất cấm	Không có thông tin	
Việt Nam Phụ lục IV: Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	Không có thông tin	
Việt Nam Phụ lục V: Danh mục hóa chất phải khai báo	Không có thông tin	

Danh Sách Hóa Chất (NCI)		
Danh Sách Hóa Chất (NCI)	Chứa (các) chất được liệt kê danh mục	Glutaric acid, dimethyl ester (1119-40-0)

15.2. Các quy định quốc tế

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 16: Các thông tin cần thiết khác

Nguồn dữ liệu : Bảng an toàn hóa chất (SDS) được chuẩn bị bởi CHEMTREC
Công ty : Azon USA Inc.
Phiên bản : 1.0
Ngày phát hành : 11/04/2025

Bản đầy đủ của các câu H:	
Acute Tox. Not classified (Oral)	Độc tính cấp (đường miệng) Không được phân loại
Aquatic Acute Not classified	Nguy hiểm đối với môi trường dưới nước – Nguy hiểm cấp tính Không được phân loại
Aquatic Chronic Not classified	Nguy hiểm đối với môi trường dưới nước – Nguy hiểm mãn tính Không được phân loại
Ấn mòn/kích ứng da. Chưa được phân loại	Ấn mòn/Kích ứng da Không được phân loại
Độc cấp tính 5 (Da)	Độc tính cấp tính (da), Nhóm 5
Flam. Liq. Not classified	Chất lỏng dễ cháy Không được phân loại
Kích ứng mắt 2A	Tổn hại mắt/kích ứng mắt nghiêm trọng, Nhóm 2A
Muta. Not classified	Sự đột biến nguyên bào Không được phân loại
Pyr. Liq. Not classified	Chất lỏng tự cháy Không được phân loại

Azo Purge MP2

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT

Bản đầy đủ của các câu H:	
Repr. Not classified	Độc tính sinh ra Không được phân loại
STOT RE Not classified	Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể (tiếp xúc lặp lại) Không được phân loại
STOT SE Not classified	Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể (tiếp xúc một lần) Không được phân loại
H313	Có thể có hại khi tiếp xúc với da
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), Việt Nam

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kì đảm bảo nào cho bất kì đặc tính nào của sản phẩm.